

Bản án số: **48** /2023/HSST
Ngày 10 - 10 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG - TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lã Văn Minh
2. Ông Nguyễn Ngọc Ngát

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Động.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Minh Đức – Kiểm sát viên sơ cấp.

Trong ngày 10 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 34/2023/TLST - HS, ngày 07 tháng 8 năm 2023; Quyết Đ đưa vụ án ra xét xử số: 35/2023/QĐXX- HSST, ngày 06 tháng 9 năm 2023; Quyết Đ hoãn phiên tòa số: 20/2023/QĐXX – HSST ngày 22/9/2023; Quyết Đ hoãn phiên tòa số: 21/2023/QĐXX – HSST ngày 29/9/2023, đối với các bị cáo:

1. Lục Văn L, sinh năm 1979

Tên gọi khác: Không có; Giới tính: Nam.

Nơi sinh: Huyện S, tỉnh B. Nơi hiện đang cư trú: Thôn L, xã T, huyện S, tỉnh B.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: Lớp 09/12; Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không.

Họ và tên cha: Lục Văn T; Họ và tên mẹ: Nông Thị D; Họ và tên vợ: Trần Thị T; Bị cáo có 03 con; Bị cáo có 07 anh chị em ruột, bản thân là con thứ tư trong gia đình.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm

đi khỏi nơi cư trú; Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

2. Phạm Thị T, sinh năm 1971

Tên gọi khác: Không có; Giới tính: Nữ.

Nơi sinh: Huyện L, tỉnh B; Nơi hiện đang cư trú: Thôn N, xã T, huyện S, tỉnh B.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: Không biết chữ; Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không.

Họ và tên cha: Phạm Văn N (Đã chết); Họ và tên mẹ: Đặng Thị B; Họ và tên chồng: Phùn Ích P (Đã chết); Bị cáo có 04 con; Bị cáo có 07 anh chị em ruột, bản thân là con thứ nhất trong gia đình.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/5/2023 đến ngày 13/6/2023 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cho Bảo Lãnh; Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Khắc N, sinh năm 1958

Tên gọi khác: Không có; Giới tính: Nam.

Nơi sinh: Huyện Q, tỉnh T; Nơi hiện đang cư trú: Thôn M, xã T, huyện S, tỉnh B.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 6/10; Đảng, chính quyền, đoàn thể: Đảng viên đảng cộng sản Việt Nam (đã bị khai trừ).

Họ và tên cha: Nguyễn Khắc N (đã chết); Họ và tên mẹ: Mai Thị B; Họ và tên vợ: Phạm Thị M; Bị cáo có 05 con; Bị cáo có 09 anh chị em ruột, bản thân là con thứ nhất trong gia đình.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 29/4/2023 đến ngày 08/5/2023, được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

4. Phùn Văn T1, sinh năm 1995

Tên gọi khác: Không có; Giới tính: Nam.

Nơi sinh: Huyện S, tỉnh B. Nơi hiện đang cư trú: Thôn N, xã T, huyện S, tỉnh B.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 12/12; Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không.

Họ và tên cha: Phùn Văn T (Đã chết); Họ và tên mẹ: Hoàng Thị S; Họ và tên vợ: Đỗ Thị H; Bị cáo có 02 con; Bị cáo có 08 anh chị em ruột, bản thân là con thứ 07 trong gia đình.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/5/2023 đến ngày 13/6/2023 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

5. Hoàng Thị Đ, sinh năm 1986

Tên gọi khác: Không có; Giới tính: Nữ.

Nơi sinh: Huyện S, tỉnh B. Nơi hiện đang cư trú: Thôn K, xã Y, huyện S, tỉnh B.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Cao Lan; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: Lớp 02/12.; Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không.

Họ và tên cha: Hoàng Văn T (Đã chết); Họ và tên mẹ: Trần Thị L; Họ và tên chồng: Đàm Văn T; Bị cáo có 02 con; Bị cáo có 05 anh chị em ruột, bản thân là con thứ tư trong gia đình.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 29/4/2023 đến ngày 08/5/2023 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

6. Phùn Văn T2, sinh năm 1987

Tên gọi khác: Không có; Giới tính: Nam.

Nơi sinh: Huyện S, tỉnh B. Nơi hiện đang cư trú: Thôn N, xã T, huyện S, tỉnh B.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 9/12; Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không.

Họ và tên cha: Phùn A P (Đã chết); Họ và tên mẹ: Từ Thị M; Họ và tên vợ: Hoàng Thị Đ; Bị cáo có 02 con; Bị cáo có 08 anh chị em ruột, bản thân là con thứ 05 trong gia đình.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/5/2023 đến ngày 13/6/2023 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

7. Đàm Văn C, sinh năm 1990

Tên gọi khác: Không có; Giới tính: Nam.

Nơi sinh: Huyện S, tỉnh B. Nơi hiện đang cư trú: Thôn K, xã Y, huyện S, tỉnh B.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Cao Lan; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 12/12; Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không.

Họ và tên cha: Đàm Văn P; Họ và tên mẹ: Trần Thị H; Họ và tên vợ: Bùi Thị T; Bị cáo có 02 con; Bị cáo có 04 anh chị em ruột, bản thân là con thứ tư trong gia đình.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/5/2023 đến ngày 13/6/2023 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

8. Phùn Văn L1, sinh năm 1970

Tên gọi khác: Không có; Giới tính: Nam;

Nơi sinh: Huyện S, tỉnh B. Nơi hiện đang cư trú: Thôn N, xã T, huyện S, tỉnh B.

Dân tộc: Dao; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: Lớp 04/12; Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không.

Họ và tên cha: Phùn Cẩm P; Họ và tên mẹ: Tăng Thị N; Họ và tên vợ: Triệu Thị P; Bị cáo có 04 con; Bị cáo có 9 anh em ruột, bản thân là con thứ sáu trong gia đình.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

+ Tại bản án số 05/HSST ngày 08/03/1996 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Động xử phạt 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội Cố ý gây thương tích.

+ Tại bản án số 02/2016/HSST ngày 02/02/2016 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội đánh bạc, phạt bổ sung 4.000.000 đồng sung công quỹ nhà nước. Ngày 13/4/2016, L1 chấp hành xong tiền phạt và án phí.

+ Tại bản án số 10/2023/HSST ngày 20/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang xử phạt 07 tháng tù về tội đánh bạc. Phạt bổ sung bằng tiền 10 triệu đồng sung công quỹ nhà nước, phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm. Sau khi Tòa án nhân dân huyện Sơn Động xét xử, Phùn Văn L1 đã làm đơn kháng cáo bản án. Đến ngày bị cáo phạm tội mới bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; Bị cáo có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

9. Hoàng Thị T3, sinh năm 1971

Tên gọi khác: Không có; Giới tính: Nữ.

Nơi sinh: Huyện S, tỉnh B. Nơi hiện đang cư trú: Thôn K, xã Y, huyện S, tỉnh B.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Cao Lan; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: Lớp 01/12; Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không.

Họ và tên cha: Hoàng Văn B (Đã chết); Họ và tên mẹ: Đàm Thị S (Đã chết); Họ và tên chồng: Hoàng Văn N; Bị cáo có 02 con; Bị cáo có 08 anh chị em ruột, bản thân là con thứ 7 trong gia đình.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 29/4/2023 đến ngày 08/5/2023 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Phùn Văn T4, sinh năm 1987; có mặt
Nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện S, tỉnh B.

2. Chị Hoàng Thị Đ1, sinh năm 1990; có mặt
Nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện S, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Buổi trưa ngày 29/4/2023, Phạm Thị T gọi điện thoại cho Phùn Văn T1, Phùn Văn T2 và Lục Văn L rủ những người này đánh bạc ăn tiền và hẹn đến vườn vải phía sau nhà Phùn Văn T4 ở thôn N, xã T thì L, T2, T1 đồng ý. Khoảng 15 giờ cùng ngày thì T đi xe mô tô biển số 98E1-299.77 của T đến nhà T4 sau đó L, T2 cũng đi đến. Khi ba người đang ở sân nhà T4 thì Đàm Văn C đi đến. Khi C đến thì T rủ ba người nêu trên đánh bạc (T nói là chơi đồng một, đồng hai), lúc này L lấy 01 mảnh tre dùng miếng cao su đốt cháy và hơ đen một mặt rồi bẻ ra làm 04 quân vị, kích thước mỗi quân dài khoảng 1,5cm, rộng khoảng 01cm, sau đó L lấy 01 đĩa nhựa ở chuồng gà nhà T4 và nhặt 01 bát sứ (bát con) ở đất dùng để đánh bạc. Sau đó L, T, T2, C đi ra góc vườn vải, giáp với bờ sông của gia đình anh Phùn Văn T4. Khi ra đến góc vườn vải thì ở đó có sẵn 01 vỏ bao có chữ URÊ Hà Bắc, thì có người (không xác Đ được ai) lấy chiếc vỏ bao trải ra nền đất rồi mọi người ngồi đánh bạc bằng hình thức đánh xóc đĩa được thua bằng tiền. Lục Văn L là người xóc cái cho mọi người đánh bạc.

L, T, T2, C đánh bạc được một lúc thì có thêm Phùn Văn L1, Phùn Văn T1, Nguyễn Khắc N, Hoàng Thị T3, Hoàng Thị Đ đến tham gia đánh bạc cùng.

Lúc đầu L xóc cái đánh bạc với mọi người, sau đó L thua hết tiền thì xóc cái cho mọi người đánh bạc, nếu ai thắng sẽ cho L từ 50.000đ đến 100.000đ. Các đối tượng đánh bạc đến 16 giờ 00 phút cùng ngày thì bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Sơn Động bắt quả tang. Bắt giữ quả tang được 03 đối tượng gồm: Hoàng Thị T3, Hoàng Thị Đ và Nguyễn Khắc N còn một số đối tượng khác đã bỏ chạy thoát.

Tang vật thu giữ tại chiếu bạc gồm: Số tiền 6.645.000đ; 04 quân vị; 01 đĩa nhựa; 01 bát sứ; 01 vỏ bao màu trắng có chữ “URE Hà Bắc”; 02 ghế nhựa. Ngoài ra còn thu giữ 02 chiếc điện thoại di động; 05 chiếc xe mô tô các loại; Nguyễn Khắc N giao nộp 1.500.000đ; Hoàng Thị Đ giao nộp 1.200.000đ; Hoàng Thị T3 giao nộp 2.000.000đ.

2. Hình thức đánh xóc đĩa như sau: Người xóc cái dùng 04 quân cái một mặt đen, một mặt trắng cho vào 01 đĩa sứ rồi dùng bát con úp lên, dùng tay cầm cả đĩa và bát sóc đều. Quy định phía bên tay phải của người xóc cái là bên chắn, phía bên tay trái của người xóc cái là bên lẻ. Người tham gia đánh bạc đặt cược tiền bên chắn hay lẻ tùy theo ý thích, khi mở bát ra nếu quân cái thể hiện 03 quân trắng, 01 quân đen hoặc 03 quân đen, 01 quân trắng thì những người đặt tiền ở bên lẻ thắng bạc. Nếu quân cái thể hiện 02 quân đen, 02 quân trắng hoặc 04 quân trắng, 04 quân trắng thì những người đặt tiền ở bên chắn thắng bạc, tỷ lệ được thua là 1/1. Sau khi mở bát ra thì người xóc cái thu tiền của bên thua bạc trả tiền cho bên thắng bạc, nếu thừa thì được hưởng, nếu thiếu thì lấy tiền của mình bù vào.

3. Các đối tượng khai nhận về hành vi đánh bạc và số tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc của mình như sau:

Lục Văn L khai: Khi tham gia đánh bạc L mang theo 200.000đ để đổ xăng xe. Quá trình đánh bạc L xóc cái thuê cho những người đánh bạc được 600.000đ. Khi Công an đến bắt quả tang, L cầm theo 600.000đ tiền xóc cái thuê bỏ chạy.

Phạm Thị T khai: Khi tham gia đánh bạc T có 400.000đ, T bỏ hết số tiền này ra đánh bạc. Khi Công an đến bắt, T bị thua bạc 200.000đ, còn 200.000đ T cầm bỏ chạy. Ngày 19/6/2023, T đã giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 200.000đ.

Nguyễn Khắc N khai: Khi vào tham gia đánh bạc N mang theo 2.000.000đ. Khi vào bàn bạc N trả T 1.000.000đ tiền mua chó nợ từ trước. N bỏ ra 1.000.000đ để đánh bạc. Quá trình đánh bạc N thắng bạc 500.000đ. Khi Công an đến bắt quả tang N giao nộp số tiền 1.500.000đ tiền dùng vào mục đích đánh bạc.

Phùn Văn T1 khai: Khi tham gia đánh bạc T1 có 600.000đ, T1 sử dụng hết số tiền này để đánh bạc. Khi Công an đến bắt T1 bị thua bạc 300.000đ, còn 300.000đ T1 cầm theo bỏ chạy. Ngày 21/6/2023, T1 giao nộp cho cơ quan điều tra số tiền 300.000đ.

Hoàng Thị Đ khai: Khi tham gia đánh bạc, Đ mang theo 1.500.000đ, Đ bỏ ra số tiền 300.000đ để đánh bạc. Khi Công an đến bắt Đ bị thu bạc 200.000đ còn 100.000đ Đ để ở chiếu bạc. Đ giao nộp cho Cơ quan điều tra 1.200.000đ.

Phùng Văn T2 khai: Khi tham gia đánh bạc T2 có 300.000đ, T2 bỏ hết ra để đánh bạc. Khi Công an đến bắt T2 thua 200.000đ còn 100.000đ T2 cầm bỏ chạy. Ngày 19/6/2023, T2 đã giao nộp cho Cơ quan điều tra 100.000đ.

Đàm Văn C khai: Khi tham gia đánh bạc C có 150.000đ. Quá trình đánh bạc C thua 30.000đ, sau đó C bỏ về trước cầm theo 120.000đ về nhà. Ngày 20/6/2023, C đã giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 120.000đ.

Phùng Văn L1 khai: Khi tham gia đánh bạc L1 có 120.000đ để đánh bạc. Khi Công an đến bắt L1 đã thua hết tiền và bỏ chạy.

Hoàng Thị T3 khai: Khi tham gia đánh bạc T3 mang theo 2.050.000đ, T3 bỏ ra 50.000đ để đánh bạc. Khi Công an đến bắt T3 không nhớ thua hay thắng, số tiền còn lại T3 để xuống chiếu bạc. T3 giao nộp 2.000.000đ.

3. Quá trình điều tra các bị cáo đều khai nhận hành vi phạm tội của mình. Quá trình truy tố vụ án, làm việc với Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động, bị cáo Hoàng Thị Đ thay đổi lời khai. Bị cáo trình bày quá trình Công an đến bắt quả tang thì ở bàn bạc không có tiền, khi cơ quan Công an đến bắt quả tang, lúc đó trên tay bị cáo cầm 01 tờ tiền 100.000đ thì anh cán bộ Công an bảo bị cáo thả tiền xuống thì bị cáo thả tiền xuống chiếc vỏ bao các bị cáo sử dụng để đánh bạc, sau đó bị cáo quay mặt đi chỗ khác, khoảng 01 phút sau bị cáo quay mặt lại thì thấy ở chỗ vỏ bao các bị cáo sử dụng để đánh bạc có 01 tập tiền gồm nhiều loại tiền. Khi lập biên bản bắt người phạm tội quả tang bị cáo có ý kiến về việc trên và không ký vào biên bản thì bị một cán bộ Công an dùng dép đánh bị cáo 02 cái bắt bị cáo ký vào biên bản bắt người phạm tội quả tang. Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động đã làm việc với những người có tên trong biên bản bắt người phạm tội quả tang. Những người này đều khẳng định việc bắt người phạm tội quả tang, thu giữ vật chứng, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản thu giữ vật chứng là hoàn toàn chính xác, khách quan, không có việc đánh bị cáo. Ngoài lời khai của bị cáo ra không có tài liệu, chứng cứ chứng minh là có căn cứ.

Quá trình chuẩn bị xét xử các bị cáo có đơn khiếu nại với kết luận của Công an huyện về việc lập biên bản bắt quả tang; ngày 27/9/2023 các bị cáo đã rút đơn khiếu nại.

4. Quá trình điều tra, truy tố các bị cáo Lục Văn L, Phạm Thị T, Đàm Văn C, Hoàng Thị Đ, Phùng Văn L1, Nguyễn Khắc N, Phùng Văn T2, Phùng Văn T1 và Hoàng Thị T3 đều thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của bản thân và đồng phạm.

5. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động đã giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo Lục Văn L, Phạm Thị T, Đàm Văn

C, Hoàng Thị Đ, Phùn Văn L1, Nguyễn Khắc N, Phùn Văn T2, Phùn Văn T1 và Hoàng Thị T3 về tội “Đánh bạc” và đề nghị:

a) Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt Lục Văn L từ 10 đến 12 T2g tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 20 đến 24 T2g kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt Phùn Văn T2 từ 07 đến 09 T2g tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 đến 18 T2g kể từ ngày tuyên án.

Hình phạt bổ sung: Bị cáo L, T2 mỗi bị cáo phải nộp số tiền từ 10 đến 13 triệu đồng sung công quỹ nhà nước.

Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt Phạm Thị T từ 09 đến 11 T2g tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 22 T2g kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt Phùn Văn T1 từ 08 đến 10 T2g tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 16 đến 20 T2g kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Hình phạt bổ sung: Bị cáo T, T1 mỗi bị cáo phải nộp số tiền từ 10 đến 13 triệu đồng sung công quỹ nhà nước.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt Nguyễn Khắc N từ 08 đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 16 đến 20 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt Hoàng Thị Đ từ 08 đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 16 đến 20 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt Đàm Văn C từ 08 đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 16 đến 20 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt Hoàng Thị T3 từ 08 đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 16 đến 20 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với N, C, T3, Đ.

Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 56 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt Phùn Văn L1 từ 07 đến 09 tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 07 tháng tù về tội đánh bạc của Bản án số 10/2023/HSST ngày 20/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang. Bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án từ 14 đến 16 tháng tù. Bị cáo được trừ thời hạn tù đã chấp

hành của Bản án số 10/2023/HSST ngày 20/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang.

Hình phạt bổ sung: Bị cáo phải nộp số tiền từ 10 đến 13 triệu đồng sung công quỹ nhà nước.

Giáo các bị cáo Lục Văn L, Phạm Thị T, Nguyễn Khắc N, Phùn Văn T1, Phùn Văn T2 cho UBND xã T, huyện S quản lý giáo dục trong thời gian thử thách; Giao các bị cáo Hoàng Thị Đ, Đàm Văn C, Hoàng Thị T3 cho UBND xã Y, huyện S quản lý giáo dục trong thời gian thử thách.

b) Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 6.645.000 thu giữ tại chiếu bạc; 200.000đ bị cáo T giao nộp; 300.000đ bị cáo T1 giao nộp; 100.000đ bị cáo T2 giao nộp; 120.000đ bị cáo C giao nộp; 1.500.000đ bị cáo N giao nộp. Tổng cộng là 8.865.000đ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F7 của Phùn Văn T2; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Messtel, màu đen của Nguyễn Khắc N.

Trả lại cho: Hoàng Thị Đ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO và số tiền 1.200.000đ, 01 xe mô tô nhãn hiệu HoDa Wave, biển kiểm soát 98L1-099.12; Phạm Thị T 01 xe mô tô nhãn hiệu HoDa Lead màu trắng, biển kiểm soát 98E1-299.77; Lục Văn L 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, Exciter màu xanh, biển kiểm soát 98N4-8411; Nguyễn Khắc N 01 xe mô tô hiệu HoDa, Wave RS, màu sơn đen đỏ, biển kiểm soát 98Y2-5546; Hoàng Thị T3 số tiền 2.000.000đ; Hoàng Thị Đ 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HoDa Lead màu đỏ đen, biển kiểm soát 98L1-122.49.

Bị cáo Lục Văn L phải nộp truy thu số tiền 600.000đ sung công quỹ nhà nước.

Tịch thu tiêu hủy: 04 quân vị, 01 đĩa nhựa, 01 bát sứ, 01 vỏ bao màu trắng có chữ “URE Hà Bắc” và 02 ghế nhựa.

c) Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố Tụng hình sự; Điều 21 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội, buộc các bị cáo Lục Văn L, Phùn Văn L1, Phùn Văn T2, Phùn Văn T1 và Phạm Thị T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm. Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội, miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Đàm Văn C, Hoàng Thị T3, Hoàng Thị Đ và Nguyễn Khắc N được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

6. Tại phiên tòa các bị cáo Lục Văn L, Phạm Thị T, Đàm Văn C, Hoàng Thị Đ, Nguyễn Khắc N, Phùn Văn T2, Phùn Văn T1 và Hoàng Thị T3 đều thừa nhận bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động truy tố các bị cáo về tội “Đánh bạc” là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng chính sách khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1. Quá trình điều tra và truy tố và tại phiên tòa các bị cáo Lục Văn L, Phạm Thị T, Đàm Văn C, Hoàng Thị Đ, Nguyễn Khắc N, Phùn Văn T2, Phùn Văn T1 và Hoàng Thị T3 đều thành khẩn khai báo. Quá trình điều tra và truy tố bị cáo Phùn Văn L1 thành khẩn khai báo. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền L và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng đã được thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thì đã có đủ cơ sở kết luận: Buổi chiều ngày 29/4/2023, tại vườn vải của gia đình anh Phùn Văn T4 ở thôn N, xã T, huyện S; các đối tượng Lục Văn L, Phạm Thị T, Đàm Văn C, Hoàng Thị Đ, Phùn Văn L1, Nguyễn Khắc N, Phùn Văn T2, Phùn Văn T1 và Hoàng Thị T3 đã thực hiện hành vi đánh bạc bằng hình thức đánh xóc đĩa được thua bằng tiền. Các bị cáo trên đánh bạc từ khoảng hơn 15 giờ đến 16 giờ 00 phút cùng ngày thì bị Tổ công tác của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Sơn Động phối hợp cùng Công an xã Tuấn Đạo phát hiện bắt quả tang. Bắt giữ tại chỗ 03 đối tượng là Hoàng Thị T3, Hoàng Thị Đ và Nguyễn Khắc N còn các bị cáo khác chạy thoát; thu giữ toàn bộ tiền, công cụ, phương tiện phạm tội liên quan đến đánh bạc.

Ngày 01/5/2023, Phùn Văn L1 và Lục Văn L đã đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Sơn Động đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của bản thân. Ngày 02/5/2023, Phạm Thị T, Phùn Văn T1, Đàm Văn C, Phùn Văn T2 bị bắt theo Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp.

Trong các ngày 19, 20, 21 T2g 6/2023, lần lượt các bị cáo giao nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Sơn Động số tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc cầm theo bỏ chạy gồm: Phạm Thị T giao nộp số tiền 100.000đ; Phùn Văn T2 giao nộp số tiền 100.000đ; Phùn Văn T1 giao nộp số tiền 300.000đ; Đàm Văn C giao nộp số tiền 120.000đ. Còn Lục Văn L chưa giao nộp số tiền 600.000đ.

Như vậy xác Đ tổng số tiền các đối tượng sử dụng vào mục đích đánh bạc là 9.465.000đ.

Bản Cáo trạng số 37/CT-VKS ngày 03/8/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động truy tố các bị cáo Lục Văn L, Phạm Thị T, Đàm Văn C, Hoàng Thị Đ, Phùn Văn L1, Nguyễn Khắc N, Phùn Văn T2, Phùn Văn T1 và Hoàng Thị T3 về tội “Đánh bạc” là đúng người, đúng tội. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị về điều luật áp dụng, mức hình phạt, xử lý vật chứng và án phí đối với các bị cáo là phù hợp theo quy Đ của pháp luật.

Các bị cáo tham gia đánh bạc khi chưa được sự cho phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền là vi phạm pháp luật. Hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Các bị cáo tham gia đánh bạc bằng hình thức sát

phạt nhau với lỗi cố ý nhằm thu lợi bất chính. Như vậy hành vi nêu trên của các bị cáo đã xâm phạm vào trật tự an toàn công cộng, gây mất trật tự trị an xã hội và dễ gây ra các tệ nạn xã hội khác. Do đó, việc truy tố và đưa các bị cáo ra xét xử trước pháp luật là rất cần thiết để răn đe các bị cáo nói riêng và ngăn ngừa chung.

2. Về vai trò của các bị cáo trong vụ án và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Các bị cáo Lục Văn L, Phạm Thị T, Đàm Văn C, Hoàng Thị Đ, Phùn Văn L1, Nguyễn Khắc N, Phùn Văn T2, Phùn Văn T1 và Hoàng Thị T3 tham gia đánh bạc không có sự bàn bạc thống nhất nên phạm tội trong trường hợp đồng phạm giản đơn.

Bị cáo Lục Văn L là người xóc cái, chuẩn bị công cụ nên bị cáo là người chịu vai trò chính; bị cáo Phạm Thị T là người rủ rê nên phải chịu vai trò sau L; bị cáo Nguyễn Khắc N, Phùn Văn T1, Đàm Văn C, Hoàng Thị Đ và Hoàng Thị T3 là người tích cực tham gia chơi nên chịu vai trò sau L, T; bị cáo Phùn Văn L1, Phùn Văn T2 tham gia chơi nên phải chịu vai trò thứ yếu trong vụ án.

Các bị cáo phạm tội đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Lục Văn L, Phạm Thị T, Nguyễn Khắc N, Phùn Văn T1, Hoàng Thị Đ, Phùn Văn T2, Đàm Văn C, Hoàng Thị T3 đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy Đ tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Phùn Văn L1 thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy Đ tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Phùn Văn L1, Lục Văn L sau khi phạm tội đã ra đầu thú, bị cáo Phùn Văn T2 là người đã từng tham gia quân đội nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy Đ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo Hội đồng xét xử xét thấy:

Đối với các bị cáo Lục Văn L, Phạm Thị T, Đàm Văn C, Hoàng Thị Đ, Nguyễn Khắc N, Phùn Văn T2, Phùn Văn T1 và Hoàng Thị T3 đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng. Xét thấy, các bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018, Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Điều 65 của Bộ luật Hình sự là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Đối với bị cáo Phùn Văn L1 có nhân thân xấu: Tại bản án số 05/HSST ngày 08/03/1996 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Động xử phạt 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội Cố ý gây thương

tích. Tại Bản án số 02/2016/HSST ngày 02/02/2016 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang, xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội đánh bạc, phạt bổ sung 4.000.000 đồng sung công quỹ nhà nước. Tại bản án số 10/2023/HSST ngày 20/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang, xử phạt 07 tháng tù về tội đánh bạc; phạt bổ sung 10 triệu đồng sung công quỹ nhà nước, phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm; Sau khi Tòa án nhân dân huyện Sơn Động xét xử, Phùn Văn L1 đã làm đơn kháng cáo bản án; Đến ngày bị cáo phạm tội mới bản án chưa có hiệu lực pháp luật; Bị cáo thể hiện coi thường kỷ cương pháp luật, do đó cần phải áp dụng biện pháp cách ly xã hội đối với bị cáo mới đảm bảo tính giáo dục răn đe bị cáo là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

3. Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo phạm tội với động cơ, mục đích hưởng lợi bất chính, do vậy cần phải áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo từ 10 đến 50.000.000đ theo khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Lục Văn L, Phùn Văn T2, Phùn Văn T1, Phùn Văn L1 và Phạm Thị T phải nộp 10.000.000đ sung công quỹ nhà nước. Các bị cáo Đàm Văn C, Hoàng Thị T3 là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; bị cáo Hoàng Thị Đ thuộc diện hộ cận nghèo; bị cáo Nguyễn Khắc N là người cao tuổi nên không áp dụng đối với C, T3, Đ và N.

4. Về xử lý vật chứng: Đối với số tiền 8.865.000đ thu giữ tại chiếu bạc và các bị cáo giao nộp; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Messtel, màu đen thu giữ của Nguyễn Khắc N; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F7 của Phùn Văn T2 giao nộp; các bị cáo dùng vào việc phạm tội cần tịch thu sung công quỹ nhà nước.

Đối với 04 quân vị, 01 đĩa nhựa, 01 bát sứ, 01 vỏ bao màu trắng có chữ “URE Hà Bắc” và 02 ghế nhựa là của gia đình anh Trung các bị cáo dùng vào việc phạm tội, anh T4 không yêu cầu nhận lại; xét thấy không có giá trị cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 05 chiếc xe mô tô, điện thoại và tiền gồm: 01 xe mô tô nhãn hiệu HoDa, Wave, biển kiểm soát 98L1-099.12; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO và số tiền 1.200.000đ thu giữ của Hoàng Thị Đ; 01 xe mô tô nhãn hiệu HoDa Lead, màu trắng, biển kiểm soát 98E1-299.77 thu giữ của Phạm Thị T; 01 xe mô tô nhãn hiệu HoDa Lead, màu đỏ đen, biển kiểm soát 98L1-122.49 thu giữ của Phùn Văn T2 là xe của chị Hoàng Thị Đ1; 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, Exeiter, màu xanh, biển kiểm soát 98N4-8411 thu giữ của Lục Văn L; 01 xe mô tô hiệu HoDa, Wave RS, màu sơn đen đỏ, biển kiểm soát 98Y2-5546 thu giữ của Nguyễn Khắc N; số tiền 2.000.000đ của Hoàng Thị T3; các bị cáo không dùng vào việc phạm tội nên cần trả lại cho các bị cáo và chị Hoàng Thị Đ.

5. Đối với số tiền 600.000đ bị cáo Lục Văn L khai dùng vào việc đánh

bạc, bị cáo chưa nộp lại nên bị cáo phải nộp truy thu sung công quỹ nhà nước.

6. Đối với anh Phùn Văn T4 là chủ nhà: Khu vực các đối tượng đánh bạc là vườn vải nhà anh Trung; quá trình điều tra xác định khi các đối tượng đánh bạc anh T4 không đồng ý cho các đối tượng tham gia đánh bạc tại vườn vải của gia đình mình, anh T4 cũng không thu được lợi ích gì từ việc các đối tượng đánh bạc nên không có căn cứ để xử lý là có cơ sở.

7. Về án phí: Các bị cáo Đàm Văn C, Hoàng Thị T3 là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; bị cáo Hoàng Thị Đ thuộc diện hộ cận nghèo; bị cáo Nguyễn Khắc N là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm theo quy Đ tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Các bị cáo Lục Văn L, Phùn Văn T2, Phùn Văn T1, Phùn Văn L1 và Phạm Thị T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

8. Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên: Trong quá trình tiến hành tố tụng Điều tra viên, Kiểm sát viên thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ai tố cáo, khiếu nại gì. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử các bị cáo Lục Văn L, Đàm Văn C, Nguyễn Khắc N, Phùn Văn T2, Phùn Văn T1, Hoàng Thị T3, Phạm Thị T và Hoàng Thị Đ có đơn khiếu nại cho rằng “khi lực lượng Công an bắt quả tang lập biên bản số tiền trên chiếu bạc không đúng”; Công an huyện Sơn Động đã giải quyết đơn khiếu nại và trả lời các bị cáo đúng theo quy định. Hội đồng xét xử kết luận hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều đúng quy định và hợp pháp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: Lục Văn L 10 (Mười) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”, thời gian thử thách 20 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 10/10/2023.

Xử phạt: Phùn Văn T2 07 (Bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”, thời gian thử thách 14 tháng tính từ ngày tuyên án 10/10/2023.

Hình phạt bổ sung: Bị cáo L, T2 mỗi bị cáo phải nộp số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng chẵn) sung công quỹ nhà nước.

2. Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt Phạm Thị T 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”, thời gian thử thách 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 10/10/2023.

Xử phạt: Phùn Văn T1 08 (Tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”, thời gian thử thách 16 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 10/10/2023.

Hình phạt bổ sung: Bị cáo T, T1 mỗi bị cáo phải nộp số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng chẵn) sung công quỹ nhà nước.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: Nguyễn Khắc N 08 (Tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”, thời gian thử thách 16 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 10/10/2023.

Xử phạt: Hoàng Thị Đ 08 (Tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”, thời gian thử thách 16 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 10/10/2023.

Xử phạt: Đàm Văn C 08 (Tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”, thời gian thử thách 16 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 10/10/2023.

Xử phạt: Hoàng Thị T308 (Tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”, thời gian thử thách 16 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 10/10/2023.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với các bị cáo N, C, T3 và Đ.

4. Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 56 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: Phùn Văn L1 07 (Bảy) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Tổng hợp với hình phạt 07 tháng tù về tội đánh bạc của Bản án số 10/2023/HSST ngày 20/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang. Bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù; Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành Bản án số 10/2023/HSST ngày 20/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang.

Hình phạt bổ sung: Bị cáo phải nộp số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng chẵn) sung công quỹ nhà nước.

Giáo các bị cáo Lục Văn L, Phạm Thị T, Nguyễn Khắc N, Phùn Văn T1, Phùn Văn T2 cho UBND xã T, huyện Sơn Động quản lý giáo dục trong thời gian thử thách; Giao các bị cáo Hoàng Thị Đ, Đàm Văn C, Hoàng Thị T3 cho UBND xã Y, huyện Sơn Động quản lý giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

5. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 6.645.000 thu giữ tại chiếu bạc; 200.000đ bị cáo T giao nộp; 300.000đ bị cáo T1 giao nộp; 100.000đ bị cáo T2 giao nộp; 120.000đ bị cáo C giao nộp; 1.500.000đ bị cáo N giao nộp. Tổng cộng là 8.865.000đ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPOF7 của Phùn Văn T2; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Messtel, màu đen của Nguyễn Khắc N.

Trả lại cho: Hoàng Thị Đ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO và số tiền 1.200.000đ, 01 xe mô tô nhãn hiệu HoDa Wave, biển kiểm soát 98L1-099.12; Phạm Thị T 01 xe mô tô nhãn hiệu HoDa Lead màu trắng, biển kiểm soát 98E1-299.77; Lục Văn L 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, Exeiter màu xanh, biển kiểm soát 98N4-8411; Nguyễn Khắc N 01 xe mô tô hiệu HoDa, Wave RS, màu sơn đen đỏ, biển kiểm soát 98Y2-5546; Hoàng Thị T3 số tiền 2.000.000đ; Hoàng Thị Đ 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HoDa Lead màu đỏ đen, biển kiểm soát 98L1-122.49.

Tịch thu tiêu hủy: 04 quân vị, 01 đĩa nhựa, 01 bát sứ, 01 vỏ bao màu trắng có chữ “URE Hà Bắc” và 02 ghế nhựa.

Các vật chứng nêu trên đang được bảo quản tại kho vật chứng Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Động.

6. Về tiền truy thu: Bị cáo Lục Văn L phải nộp truy thu số tiền 600.000đ sung công quỹ nhà nước.

7. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố Tụng hình sự; Buộc các bị cáo Lục Văn L, Phùn Văn L1, Phùn Văn T2, Phùn Văn T1 và Phạm Thị T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo Đàm Văn C, Hoàng Thị T3, Hoàng Thị Đ và Nguyễn Khắc N được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

8. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo; người có quyền L, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị cáo vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Sơn Động;
- QCSĐT Công an huyện Sơn Động;
- Chi cục THADS huyện SD;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Bị cáo và những người tham gia tố tụng;
- UBND xã Yên Đ, Tuấn Đạo;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu hồ sơ, VP.

Trần Văn Toàn